

Bản án số: 122/2019/HSST

Ngày: 26/7/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Tố Uyên**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Vũ Thị Khuôn** và ông **Lê Quang Khỏe**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Hoàng Phương** - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Thu Thanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2019 tại Trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 112/2019/HSST ngày 26 tháng 6 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2019/HSST-QĐ ngày 11 tháng 7 năm 2019, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Ngọc Đ** (tên gọi khác **Nguyễn Văn Đ**), sinh năm 1986. Nơi đăng ký hộ khẩu và cư trú: Tổ dân phố Phú L, thị trấn Phố L, huyện B, tỉnh Lào Cai. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 6/12. Con ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1958 (*đã mất ngày 23/5/2019*); con bà Trần Thị Ph, sinh năm 1965. Gia đình có 03 anh em, bị cáo là thứ nhất. Tiền án, tiền sự: Chưa. Nhân thân: Bản án số 33/2007/HSST ngày 28/9/2007 của Tòa án nhân dân huyện Bảo T - tỉnh Lào Cai xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Nộp án phí ngày 28/11/2007, chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/10/2008; Bản án số 38/2010/HSST ngày 27/9/2010 của Tòa án nhân dân huyện Bảo T - tỉnh Lào Cai xử phạt 07 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (*trị giá tài sản 3.720.000đồng, chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/01/2011*). Ngày 08/7/2016 được đình chỉ thi hành tiền án phí sơ thẩm hình sự và tiền truy thu. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/4/2019, chuyển tạm giam từ ngày 25/4/2019 đến nay tại Trại tạm giam Kim Chi - Công an tỉnh Hải Dương. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Người làm chứng:*

1. Anh Vũ Công P, sinh năm 1996;

Cư trú tại: Xã Lương Đ, huyện Cẩm G, tỉnh Hải Dương .

2. Anh Nguyễn Hữu K, sinh năm 1980

Cư trú tại: Thôn Phú L, xã N, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
Những người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21h30phút ngày 16/4/2019 tại trước cửa nhà số 146 Nguyễn T, phường Nguyễn T, thành phố Hải Dương, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an TP Hải Dương bắt quả tang Nguyễn Ngọc Đ đang cất giấu 01 gói nilon màu trắng, kích thước (2x2)cm bên trong chứa tinh thể màu trắng. Đ khai nhận là ma túy tổng hợp cất giấu để sử dụng. Quá trình bắt giữ có sự chứng kiến của anh Nguyễn Hữu K, sinh năm 1980, ở Thôn Phú L, xã N, thành phố Hải Dương và anh Vũ Công P, sinh năm 1996, ở Xã L - huyện Cẩm G - tỉnh Hải Dương. Quá trình điều tra đã làm rõ: Nguyễn Ngọc Đ có sử dụng chất ma túy tổng hợp nên khoảng 21h ngày 16/4/2019, Đ đi bộ ra khu vực đường Nguyễn T, thành phố Hải Dương mua được 01 gói ma túy tổng hợp với số tiền 300.000đồng của một người đàn ông (không rõ họ tên, địa chỉ) cầm trên tay phải đi tìm nơi sử dụng. Khoảng 21h30phút cùng ngày, khi Đ đi đến trước cửa nhà số 146 Nguyễn T, phường Nguyễn T, thành phố Hải Dương thì bị Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an TP Hải Dương kiểm tra. Thu giữ trên tay phải của Đ 01 gói nilon màu trắng kích thước (2x2)cm bên trong chứa chất tinh thể dạng cục màu trắng, trước sự chứng kiến của anh Nguyễn Hữu K và anh Vũ Công P.

Tại Kết luận giám định số 185/KLGD- PC09 ngày 19/4/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hải Dương kết luận: Chất rắn (dạng tinh thể) màu trắng niêm phong trong phong bì ghi thu của Nguyễn Ngọc Đ gửi đến giám định có khối lượng là: 0,685 gam là ma túy, loại Methamphetamine và Ketamine. Methamphetamine nằm trong danh mục II, STT: 323; Ketamine nằm trong danh mục III, STT: 35 Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Tại Kết luận giám định số 2052/C09-TT2 ngày 23/4/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Hàm lượng Methamphetamine và Ketamine trung bình trong mẫu gửi giám định lần lượt là 26,4% và 50,3%; Với hàm lượng chất ma túy như trên thì khối lượng Methamphetamine và Ketamine trong 0,685 gam mẫu thu giữ ban đầu lần lượt là 0,180 gam và 0,344 gam.

Về vật chứng: Đối với mẫu vật và vỏ bao gói hoàn lại niêm phong số 2052/C09(TT2) hiện đang được quản lý tại kho vật chứng của Công an TP Hải Dương chờ xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại Cáo trạng số 114/CT-VKSTPHD ngày 21/6/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc Đ (tên gọi khác

Nguyễn Văn Đ) về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo qui định tại điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc Đ (tên gọi khác Nguyễn Văn Đ) phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Đ (tên gọi khác Nguyễn Văn Đ) từ 15 (Mười lăm) đến 18 (Mười tám) tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giữ 16/4/2019; Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng; Về vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Tịch thu tiêu hủy tiêu hủy mẫu vật và vỏ bao gói hoàn lại niêm phong số 2052/C09(TT2). Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 qui định về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Miễn số tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về chứng cứ xác định bị cáo có tội: Căn cứ vào lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, kết luận giám định (bút lục số 27-28, 38-39); lời khai những người làm chứng anh Nguyễn Hữu K, anh Vũ Công P (bút lục số 60-68) cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 21h30phút ngày 16/4/2019, tại trước cửa nhà số 146 Nguyễn T, Phường Nguyễn T, TP Hải Dương, Nguyễn Ngọc Đ (tên gọi khác Nguyễn Văn Đ) đang cất giấu trái phép trong người 0,180 gam Methamphetamine và 0,344 gam Ketamine để sử dụng thì bị Đội cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an TP Hải Dương bắt quả tang, thu giữ vật chứng. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ tác hại của ma túy là loại độc dược gây nghiện, việc tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật; có tác hại lớn đến sức khỏe con người và là nguyên nhân gây phát sinh các loại tội phạm khác trong xã hội, nhận thức rõ về tác hại của ma túy do hành vi vi phạm pháp luật của mình nhưng do bị cáo coi thường pháp luật nên vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Với hành vi cất giấu trái phép chất ma túy để sử dụng đối với hai chất ma túy khác loại là Methamphetamine có khối lượng là 0,180 gam và Ketamine có khối lượng là 0,344 gam thuộc trường hợp quy định tại điểm i

khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự nên căn cứ khoản 2 Điều 5 Nghị định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích các chất ma túy tại một số điều của Bộ luật hình sự năm 2015 thì 0,180 gam Methamphetamine tính tỷ lệ % về khối lượng so với mức tối thiểu chất ma túy khác ở thể rắn quy định tại khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự có khối lượng là 05gam thì tỷ lệ % về khối lượng của Methamphetamine là 3,6% (0,180gam so với 05gam) và 0,344 gam Ketamine tính tỷ lệ % so với mức tối thiểu Ketamine quy định tại khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự là 20gam thì tỷ lệ % về khối lượng của Ketamine là 1,72 % (0,344gam so với 20gam). Do đó, tổng tỷ lệ % về khối lượng của các chất ma túy là 3,6% và 1,72% = 5,32%. Như vậy, tổng tỷ lệ % về khối lượng của các chất ma túy nêu trên là 5,32% tức là dưới 100%. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo qui định tại điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm vào chính sách độc quyền về quản lý chất ma túy của Nhà nước. Vì vậy, cần áp dụng một hình phạt nghiêm, có thời hạn tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt biết tôn trọng và chấp hành pháp luật.

[2] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (được viết tắt là TNHS) của bị cáo thì thấy: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS; Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo nên HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[3] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về vật chứng: Đối với mẫu vật và vỏ bao gói hoàn lại niêm phong số 2052/C09(TT2), cần tịch thu cho tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[5] Về án phí: Bị cáo phạm tội, phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Tuy nhiên, bị cáo thuộc hộ nghèo tại địa phương nên bị cáo được miễn án phí theo qui định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 qui định về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[6] Những vấn đề khác: Không làm rõ được người bán trái phép chất ma túy cho Đ nên Cơ quan CSĐT-Công an thành phố Hải Dương không có căn cứ xử lý.

[7] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra-Công an thành phố Hải Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Vì các lẽ trên,*

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106; Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 qui định về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc Đ (tên gọi khác Nguyễn Văn Đ) phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Đ (tên gọi khác Nguyễn Văn Đ) 16 tháng (Mười sáu) tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giữ 16/4/2019.

2. Về vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy mẫu vật và vỏ bao gói hoàn lại được niêm phong số 2052/C09(TT2) ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an (*Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Dương và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương ngày 02/7/2019*).

3. Về án phí: Miễn số tiền 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng chẵn*) án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Đ.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 26/7/2019)/.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Dương.
- VKSND tỉnh Hải Dương.
- Trại giam Kim Chi-Công an tỉnh HD;
- Cơ quan CSĐT-Công an Tp Hải Dương.
- Chi cục THADS TP Hải Dương.
- Bị cáo;
- Sở tư pháp.
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Tố Uyên